

Số: /TM-BVCKDLTT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ
V/v chào giá dịch vụ tư vấn và thẩm định đấu thầu

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Chuyên khoa Da liễu - Tâm thần Ninh Thuận đang có kế hoạch thực hiện gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2024”. Để có cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn và thẩm định đấu thầu đủ năng lực pháp lý theo đúng quy định, bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp có đủ năng lực, điều kiện quan tâm, tham gia chào giá, cụ thể:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2024”	Gói	01
2	Dịch vụ thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm trang thiết bị y tế năm 2024”	Gói	01

Hồ sơ chào giá gồm: Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp, bản mô tả năng lực, kinh nghiệm, thư chào giá tư vấn và thẩm định.

Thời gian nhận báo giá: Từ 07h00 ngày 09/8/2024 đến 14h00 ngày 16/8/2024.

Hiệu lực của báo giá: 03 tháng kể từ ngày ký.

Báo giá gửi về cho Bệnh viện Chuyên khoa Da liễu- Tâm thần, địa chỉ: số 30 Phạm Ngũ Lão, P. Phước Mỹ, TP Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận.

(Đính kèm danh mục)

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin của BV;
- Lưu: VT, KCLSD.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Đồng

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA MUA SẴM NĂM 2024
(Đính kèm Thư mời số: /TM-BVCKDLTT ngày tháng năm 2024)

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Thông số, yêu cầu kỹ thuật cơ bản
1.	Máy điện não	Máy	01	Xuất xứ: Châu Á Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 về sau Tiêu chuẩn chất lượng ISO-9001, ISO-13485, CE I. Cấu hình cung cấp : - Máy chính - Phụ kiện chuẩn đi kèm bao gồm : ✓ Máy vi tính có sẵn phần mềm đo điện não ✓ Hộp gắn điện cực ✓ Bộ kích thích ánh sáng ✓ Photo control unit ✓ Bộ mũ điện não ✓ Hộp Paste đo điện não - Những phụ kiện tặng thêm: ✓ Máy in vi tính loại trắng đen ✓ Màn hình LCD ✓ Bàn để máy ✓ Chân để hộp điện cực ✓ UPS 1 KVA II. Chi tiết kỹ thuật: Tính năng: - Máy điện não vi tính ≥ 32 kênh, có thể nâng cấp lên ≥ 64 kênh, ≥ 128 kênh . - Tính năng vẽ bản đồ điện thể ≥ 3 chiều (3D voltage mapping) giúp xem nhanh và phân tích bản đồ thể theo không gian ≥ 3 chiều của sóng điện não. Bản đồ điện thể của toàn bộ vùng đầu cung cấp một cái nhìn tổng thể và rõ ràng hơn về những vùng có sóng điện não – EEG bất thường. - Cửa sổ ghi chú (note window): Máy sao chép các phân dạng sóng đơn giản , có thể lưu đến ≥ 1000 phân dạng sóng điện não để so sánh chỉ bằng cách kéo và thả chuột. Có đến ≥ 100 phân dạng sóng được sao lưu và đăng ký thành dữ liệu mẫu để so sánh với các bệnh nhân khác. - Tính năng EEG Scope xem lại dữ liệu trong khi đang thu thập sóng. EEG Scope xem ngay lại những dạng sóng EEG vừa ghi trước đó trong khi vẫn đang thu thập sóng EEG hiện thời. Khi đó màn hình được chia thành 2 cửa sổ, một cửa sổ hiển thị các đạo sóng trước đó, một cửa sổ hiển thị dạng sóng đang thu thập. - Menu chính có thể thay đổi được : đăng ký ≥ 10 nút menu cho các chương trình đo khác

				nhau. Mỗi nút có các cài đặt riêng tùy thuộc theo đối tượng bệnh nhân được đo và các điều kiện đo khác nhau. - Cửa sổ phóng to (zoom window) có thể dễ dàng phóng lớn các dạng sóng chỉ bằng cách kéo chúng , có thể đo và in ra biên độ và tần số của vùng sóng được phóng to. - Nhân ghi chú thích trên màn hình (screen comment tag): Có ≥ 100 nhân có thể được gắn vào file EEG để tham khảo về sau hay thông báo cho người đọc điện não. Các nhân có thể bao gồm tài liệu word, bảng tính excel, hình ảnh hay các dạng file khác. - Chức năng tạo các báo cáo điện não cao cấp bằng chức năng NeuroReport: Có nhiều mẫu báo cáo và bạn có thể thay đổi các dạng mẫu báo cáo cho các dạng đo điện não khác nhau. Các báo cáo được lưu vào cơ sở dữ liệu để dễ dàng tra cứu từ các thông tin của bệnh nhân. - Hộp điện cực dùng được cả cho việc đo điện não hằng ngày (routine EEG) và đa ký giấc ngủ (PSG), tích hợp ≥ 32 đầu vào EEG và các đầu vào SpO₂/CO₂ với chất lượng tín hiệu và độ ổn định cao nhất. Thông số kỹ thuật Thu thập dữ liệu: - Số đầu vào: ✓ Số đầu dây vào cho điện não: ≥ 25. ✓ Số đầu vào phụ: ≥ 4. ✓ đầu vào lưỡng cực: ≥ 7 cặp ✓ DC input: ≥ 4 ✓ SpO₂: ≥ 1 ✓ ETCO₂: ≥ 1 - Trở kháng đầu vào: ✓ EEG input / extra output: $\geq 100 \text{ M}\Omega$ ✓ DC: $\geq 1.5 \text{ M}\Omega$ - Dòng điện dò đầu vào: $\leq 5 \text{ nA}$. - Độ nhiễu nội: ✓ EEG input/extra output: $\leq 1.5 \text{ }\mu\text{Vp-p}$ (0.53 Hz đến 60 Hz). ✓ DC : $\leq 10 \text{ mVp-p}$ - CMRR : ✓ EEG input / extra output: $\geq 105 \text{ dB}$ (ở 60 Hz). ✓ Đầu vào Bipolar: $\geq 100 \text{ dB}$ (ở 60 Hz). - Lọc thông thấp: $\leq 0.08 \text{ Hz}$ (hằng số thời gian 2s). - Lọc thông cao: $\geq 300 \text{ Hz}$ (-18 dB/oct). - Bộ chuyển đổi A/D: $\geq 16 \text{ bits}$ (97 nV/LSB) - Lấy mẫu và giữ: Tất cả các điện cực cùng lúc. - Tần số lấy mẫu: 100, 200, 500 , 1000 Hz , hay chọn lựa Xử lý dữ liệu (Data Processing): - Độ nhạy :
--	--	--	--	--

				✓ EEG input: Off, 1, 2, 3 (2.5), 5, 7, 10, 15, 20, 30, 50, 75, 100, 150, 200, 300, 500, 700, 1000 $\mu\text{V}/\text{mm}$. ✓ DC: Off, 10, 15, 20, 30, 50, 75, 100, 150, 200, 300, 500, 700 1000 mV/mm. - Hằng số thời gian (lọc thông thấp): 0.001, 0.003, 0.03, 0.1, 0.3, 0.6, 1.0, 2.0, 5.0, 10.0 s. - Lọc thông cao: 15, 30, 35, 60, 70, 120 Hz (-12 dB/oct), 50 Hz (RAPID), 300 Hz (-18 dB/oct). - Lọc nhiễu điện xoay chiều: ≥ 50 hoặc ≥ 60 Hz (tỉ số loại bỏ: 1/25 hoặc hơn). - Dạng sóng chuẩn (CAL): ✓ Dạng sóng: Dạng bước 0.25 Hz hoặc dạng sin 10 Hz. ✓ Điện áp: 2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500, 1000 μV. - Lọc nhiễu ECG: Có trong mode thu thập dữ liệu và mode xem lại. - Kiểm tra trở kháng: Chỉ thị trên màn hình, trên hộp điện cực (bằng LED), mức ngưỡng trở kháng: 2, 5, 10, 20 và 50 $\text{k}\Omega$. - Chương trình đo: 36 chương trình có thể lập trình. - Điện cực tham chiếu: Lựa chọn được $A1 \rightarrow A2$, $A1 \leftarrow A2$, $A1 \leftrightarrow A2$, $A1 + A2$, VX, AV, Aav, Org, SD và Off. - Các kênh đánh dấu: Đánh dấu kích thích ánh sáng, thông khí. Hiển thị : - Độ phân giải: ≥ 1600 dots x 1200 lines - Số kênh hiển thị được: Lên đến 64 kênh và một kênh đánh dấu. - Kiểu hiển thị: ghi đè và cuộn từng trang. - Màu của sóng điện não: ≥ 16 màu. - Tắt / mở từng sóng: có cung cấp. - Thay đổi vị trí của từng sóng: Có cung cấp. - Dừng sóng: có cung cấp. - Tốc độ hiển thị của sóng: 5, 10, 15, 20, 30, 60 giây / trang màn hình hoặc ≥ 5 phút / trang màn hình. - Đánh dấu thời gian: 0.1, 1 giây. - Tỷ lệ thời gian: Off, 0.2, 1 giây. - Đánh dấu sự kiện: Hiển thị phía dưới cùng màn hình. - Tỷ lệ EEG: có cung cấp. Bộ phận kích thích ánh sáng: - Kiểu kích thích: ≥ 3 chương trình tự động lập trình được, Manual và Single. - Kiểu hoạt động: Hoạt động liên tục có khoảng ngừng. - Chu kỳ hoạt động: Hoạt động ≥ 5 phút liên tục trong 30 phút. - Kích thích tự động:
--	--	--	--	--

				✓ Tần số kích thích: ≤ 0.5, 1 - ≥ 33 Hz (mỗi bước 1 Hz), 50 và 60 Hz. ✓ Thời gian kích thích: ≤ 1 - ≥ 99 giây, mỗi bước 1 giây. ✓ Thời gian nghỉ: ≤ 1 - ≥ 30 giây, mỗi bước 1 giây. - Kích thích bằng tay: Tự chọn tần số kích thích, thời gian kích thích. Các khoảng chọn được như kích thích tự động. Chương trình Review: - Các thông số thay đổi được: Chương trình đo, độ nhạy, lọc tần số cao, hằng số thời gian, điện cực tham chiếu và tốc độ hiển thị. - Chức năng nhảy tới: Sự kiện xác định, nhảy từng trang và nhảy tới một thời điểm xác định. - Kiểu hiển thị: Liên tục, tốc độ cao, tốc độ cao có dừng, hiển thị từng trang, từng giây và lấy từng trung tâm sóng. - Thông tin hiển thị: Sự kiện, kênh số, chương trình đo và lời nhận xét
2.	Máy huyết học	Máy	01	Xuất xứ máy chính: Châu Á Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2023 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 I. Cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 máy - Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái - Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + Tiếng Việt): 01 bộ II. Chi tiết kỹ thuật: - Phương pháp đo + Đếm tế bào máu: Đo trở kháng điện + Hemoglobin: Đo bề mặt (so màu) + Hematocrit: Tính toán từ biểu đồ + Phân tích các thành phần bạch cầu: Đo quang bằng tia Laser + Plateletcrit: Tính toán từ biểu đồ + Dải phân bố hồng cầu: Tính toán từ biểu đồ + Dải phân bố tiểu cầu: Tính toán từ biểu đồ - Thông số đo: + 25 thông số bao gồm: ✓ ≥ 23 thông số báo cáo: WBC, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-CV, RDW-SD, PLT, PCT, MPV, PDW, NE, NE%, LY, LY%, MO, MO%, EO, EO%, BA, BA% ✓ ≥ 2 thông số nghiên cứu: IG, IG% - Dải đo + WBC: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + NE%: $\leq 0 - \geq 99.9\%$ + LY%: $\leq 0 - \geq 99.9\%$ + MO%: $\leq 0 - \geq 99.9\%$ + EO%: $\leq 0 - \geq 99.9\%$ + BA%: $\leq 0 - \geq 99.9\%$

				+ NE: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + LY: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + MO: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + EO: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + BA: $\leq 0 - \geq 299 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + RBC: $\leq 0 - \geq 14.9 \times 10^6 / \mu\text{L}$ + HGB: $\leq 0 - \geq 29.9 \text{ g/dL}$ + HCT: $\leq 0 - \geq 99.9\%$ + MCV: $\leq 20 - \geq 199 \text{ fL}$ + MCH: $\leq 10 - \geq 50 \text{ pg}$ + MCHC: $\leq 10 - \geq 50 \text{ g/dL}$ + PLT: $\leq 0 - \geq 1490 \times 10^3 / \mu\text{L}$ + RDW: $\leq 0 - \geq 50\%$ + PCT: $\leq 0 - \geq 2.9\%$ + MPV: $\leq 0 - \geq 20.0 \text{ fL}$ + PDW: $\leq 0 - \geq 50.0\%$ - Độ lặp lại: + WBC: $\leq 2.0\%$ + NE%: $\leq 5.0\%$ + LY%: $\leq 5.0\%$ + MO%: $\leq 12.0\%$ + EO%: $\leq 20.0\%$ + BA%: $\leq 30.0\%$ + RBC: $\leq 1.5\%$ + HGB: $\leq 1.5\%$ + MCV: $\leq 1.0\%$ + PLT: $\leq 4.0\%$ - Thẻ tích mẫu: + $\geq 55 \mu\text{L}$ (CBC+DIFF) + $\geq 30 \mu\text{L}$ (CBC) + Máu pha loãng trước: $\leq 10 \mu\text{L}$ hoặc $20 \mu\text{L}$ - Công suất: ≥ 60 mẫu/giờ (CBC+DIFF) - Màn hình: + LCD: ≥ 10.4 inch, đèn nền, màn hình cảm ứng + Độ phân giải: $\geq 800 \times 600$ dots + Hiển thị: dữ liệu số, biểu đồ tán xạ, biểu đồ, tình trạng đo, thông báo cảnh báo và các thông báo khác, các phím cảm ứng. - Quản lý thông tin: + Phụ kiện tiêu chuẩn: Đầu đọc barcode + Các định dạng được chấp nhận có hoặc không có chữ số kiểm tra: Industrial 2 of 5, ITF, JAN/EAN/UPC, NW-7, CODE39, CODE93, CODE128 + Hệ thống quản lý hóa chất của Celltac ES giúp việc quản lý lọ hóa chất dễ dàng hơn với nhãn barcode duy nhất được in trên mỗi vỏ lọ hoặc hộp hóa chất + Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings), XB
--	--	--	--	---

				+ Có hiển thị cờ báo với các kết quả phân tích: ≥ 16 cờ báo cho Bạch cầu, ≥ 7 cờ báo cho Hồng cầu và ≥ 5 cờ báo cho Tiểu cầu + Một tin nhắn có thể được hiển thị để cảnh báo người vận hành rằng hóa chất sắp hết hoặc bình thải chuẩn bị đầy + Có chức năng tự động loại bỏ tắc và đo lại + Khi bạch cầu cao, máy tự động chạy lại và đếm ở chế độ pha loãng mẫu cao hơn + Có thể kết nối với hệ thống LIS + Có thể lưu trữ được ≥ 15.000 dữ liệu bệnh nhân (bao gồm MEK-file, CSV, và biểu đồ) trong thẻ nhớ SD như QM-002D
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	Hệ thống	01	Xuất xứ: Châu Mỹ Năm sản xuất: 2023 trở về sau Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2003, FDA, GMP và CE I. Cấu hình cung cấp: - Máy chính với bộ ủ 20 vị trí và máy in gắn trên máy - 01 cuộn giấy in. - 01 bóng đèn thay thế. - 02 cầu chì. - 01 dây bơm. - 01 dây nguồn. - 01 tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh. - Hóa chất thử máy gồm : 366USD (đã bao gồm trong giá máy) ✓ Uric Acid : 1 hộp. ✓ Cholesterol : 1 hộp. ✓ Glucose Oxydase : 1 hộp. ✓ AST (SGOT) : 1 hộp. ✓ ALT (SGPT) : 1 hộp ✓ Triglyceride: 1 hộp II. Chi tiết kỹ thuật: - <u>Loại máy:</u> Máy phân tích sinh hóa bán tự động với ≥ 9 loại kính lọc khác nhau cho phép người sử dụng có thể thay đổi hoặc chọn lựa, là loại thiết bị được thiết kế dạng mở sử dụng với mọi loại thuốc thử của các hãng đã và đang có trên thị trường và được điều khiển bằng bộ vi xử lý cho kết quả ngay trên màn hình LCD và in kết quả ra ngoài bằng máy in nhiệt gắn sẵn trong máy. Nhờ thiết kế gọn nhẹ nhưng đầy đủ các chức năng như có máy in nhiệt, có bộ phận ủ, bộ phận đo mẫu ... nên rất thích hợp với tất cả các phòng xét nghiệm. - Tính đa dụng của máy : máy được sản xuất với các chức năng như sau - Xét nghiệm sinh hóa : Đo độ hấp thụ (Abs), đo điểm cuối (End-Point), đo thời gian cố

				định (Two-Points), đo động học (Kinetics), đo đa chuẩn (Multistandard)... - Cài đặt chương trình: ≥ 200 chương trình khác nhau tùy theo yêu cầu của người sử dụng. - Cuvette đo : Flow cell bằng Thạch Anh thể tích 32ul. Hay đo bằng cuvette - Hệ thống ủ (25°C , 30°C , 37°C, Nhiệt độ phòng): Ủ âm cóng đo tròn $\geq 12\text{mm}$ với ≥ 20 vị trí ủ khác nhau với nhiệt độ tùy chọn và độ chính xác nhiệt độ $\leq \pm 0,1^{\circ}\text{C}$. - Hệ thống kính lọc: Thiết bị được cung cấp đồng bộ với ≥ 7 kính lọc khác nhau là : 340, 405, 492, 510, 546, 578 và 620nm. Ngoài ra có thể lắp đặt thêm ≥ 2 kính lọc khác (Optional). - Độ chính xác bước sóng : $\leq \pm 6 \text{ nm}$. - Nguồn sáng: Đèn Tungsten Halogen (6V 10W) là loại đèn long-life iodine incandescent bền bỉ với tuổi thọ cao nhờ phim bảo vệ đèn . - Dải quang học: $\leq -0.0 - \geq 2.5\text{A}$. - Hiển thị: Màn hình cảm ứng hiện thị kết quả. - Máy in nhiệt: ≥ 24 cột, rộng 57mm gắn sẵn trên máy rất đơn giản và gọn nhẹ nhằm không làm ảnh hưởng đến diện tích phòng thí nghiệm mà đặc biệt là các phòng thí nghiệm có diện tích nhỏ, nó dùng giấy in thông dụng có bán trên thị trường. Nó cho phép in ra toàn bộ các thông số của máy, kết quả xét nghiệm, biểu đồ,... - Cổng giao diện: Cổng RS 232 có thể với máy in ngoài và máy vi tính. - Nguồn điện: AC220V$\pm 10\%$, 50Hz$\pm 2\%$, hoặc AC110V$\pm 10\%$, 60Hz$\pm 2\%$. - Cầu chì: 2A. - Công suất: 150VA - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ 15°C-30°C. - Độ ẩm: 30-70%. - Áp suất khí quyển: $\leq 86.0\text{kpa} - \geq 106.0\text{kpa}$. - Hệ thống hút mẫu tự động : Bằng hệ thống hút nhu động nhanh và chính xác điều khiển bằng động cơ, chất thải xả ra phía sau vào bình chứa chất thải riêng biệt nhằm hạn chế lây nhiễm. - Thể tích thuốc thử : Thay đổi trong vòng 1ml và có thể $\leq 0.35 \text{ ml}$ giúp hạ giá thành xét nghiệm đáng kể. - Hệ thống lưu trữ : $\geq 1,000$ kết quả đo liên tiếp .
--	--	--	--	---

				- Hệ thống kiểm tra máy : cho phép kiểm tra các thông số kỹ thuật của máy cũng như các lỗi kỹ thuật. - Phương pháp đo : ✓ Đo điểm cuối so với chuẩn hoặc so với hệ số (End-point) ✓ Đo thời gian cố định (Fixed-time hay Two Points) ✓ Đo động học (Kinetics) ✓ Đo đa chuẩn (Multistandard)...
--	--	--	--	---

